

Số: ~~391/KH-UBND~~

Lào Cai, ngày ~~30~~ tháng ~~12~~ năm 2016

KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện Đề án Phát triển công nghệ thông tin tỉnh Lào Cai,
giai đoạn 2017-2020 và năm 2017 trong các cơ quan nhà nước**

A. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CNTT 2016

I. Kết quả phát triển CNTT năm 2016

1. Cơ chế, chính sách

Năm 2016, tỉnh Lào Cai tiếp tục chú trọng ban hành kịp thời các cơ chế, chính sách, văn bản chỉ đạo điều hành, ... tạo môi trường pháp lý, thuận lợi cho việc phát triển, ứng dụng CNTT, thúc đẩy cải cách hành chính (CCHC) trên địa bàn tỉnh, trong đó nổi bật là Nghị quyết số 36/2016/NQ-HĐND ngày 18/7/2016 của HĐND tỉnh Lào Cai, Quyết định số 97/2016/QĐ-UBND ngày 19/9/2016 của UBND tỉnh Lào Cai về chính sách đãi ngộ công chức, viên chức làm công tác đảm bảo an toàn thông tin trên địa bàn tỉnh đến năm 2020. Chương trình hành động của Tỉnh ủy số 02-CT/TU thực hiện Nghị Quyết 36-NQ/TU của Bộ chính trị về phát triển CNTT bền vững; Chỉ thị số 22-CT/TU ngày 27/10/2016 của Tỉnh ủy Lào Cai về công tác đảm bảo an toàn thông tin trong toàn hệ thống chính trị; Đề án số 20-ĐA/TU ngày 20/12/2016 của Tỉnh Ủy về phát triển CNTT giai đoạn 2017-2020 và các văn bản QPPL, văn bản chỉ đạo điều hành, các dự án, kế hoạch phát triển, ứng dụng CNTT, đảm bảo an toàn thông tin trên địa bàn tỉnh.

2. Hạ tầng kỹ thuật và đảm bảo an toàn thông tin

Thực hiện bổ sung trang thiết bị nâng cao an toàn, bảo mật cho Trung tâm mạng thông tin của tỉnh, thiết bị lưu trữ, nâng dung lượng lưu trữ cho hệ thống thư điện tử của tỉnh, lắp đặt thiết bị giám sát an toàn thông tin cho Trung tâm mạng thông tin của tỉnh.

Xây dựng hạ tầng CNTT đồng bộ cho huyện Bảo Yên và Si Ma Cai, nâng tổng số 6/9 huyện, thành phố được xây dựng hạ tầng mạng đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật.

Triển khai kết nối đường truyền Internet cáp quang tốc độ cao và đầu tư máy tính cho 193 điểm bệnh viện và trung tâm y tế trên toàn tỉnh phục vụ triển khai hệ thống thông tin Giám định bảo hiểm y tế của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

Thực hiện các giải pháp nâng cao an toàn thông tin trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là trong thời gian diễn ra bầu cử Đại biểu Quốc hội khoá XIV và Đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2016-2021.

3. Ứng dụng CNTT

Năm 2016, tập trung triển khai sâu rộng bộ phần mềm Chính quyền điện tử trên cả 3 cấp tỉnh, huyện, xã phục vụ đắc lực công tác quản lý, chỉ đạo điều hành, tiết kiệm chi phí cho các cơ quan nhà nước, tiêu biểu là:

Triển khai hệ thống quản lý văn bản, điều hành đến 100% cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện và UBND cấp xã của 3 huyện, thành phố; kết nối, công khai kết quả tiếp nhận, xử lý văn bản điện tử trong các CQNN trên Cổng TTĐT Chính phủ;

Triển khai hệ thống dịch vụ hành chính công (tích hợp hệ thống một cửa điện tử, TTHC với dịch vụ công trực tuyến) cung cấp 100% thủ tục hành chính và dịch vụ công trực tuyến mức độ 1, 2; xây dựng, cung cấp 123 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 tăng trên 100 dịch vụ so với năm 2015 (trong đó có 7 dịch vụ công mức độ 4), trên 70% hồ sơ thủ tục hành chính trong các CQNN được cập nhật, xử lý trên hệ thống; đồng thời kết nối công khai tiến độ giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính của các cơ quan, địa phương trên Cổng TTĐT Chính phủ.

Xây dựng Cổng Thông tin điện tử của tỉnh và 47 Cổng TTĐT thành viên của các sở, ban, ngành, các huyện, thành phố và 7 cổng cấp xã; đăng tải đầy đủ, kịp thời thông tin chỉ đạo điều hành, thông tin phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Cấp mới gần 1.000 hộp thư điện tử của tỉnh trong năm 2016, nâng tổng số hộp thư đã cấp lên trên 8.000 hộp thư, tỷ lệ sử dụng đạt trên 80%, trung bình 1 ngày có trên 3.000 thư được giao dịch, gửi nhận thông qua hệ thống thư điện tử của tỉnh.

Triển khai ứng dụng chữ ký số đến 100% sở, ban, ngành, UBND các huyện thành phố, tích hợp chữ ký số vào phần mềm quản lý văn bản điều hành. 8 loại danh mục văn bản áp dụng chữ ký số được gửi, nhận, sử dụng hoàn toàn văn bản điện tử, không phải gửi văn bản giấy. Trên 80% văn bản đã được ký số số của tổ chức phục vụ trao đổi, gửi nhận văn bản điện tử giữa các CQNN trên địa bàn tỉnh.

Triển khai hệ thống theo dõi, thực hiện kết luận, chỉ đạo điều hành của HĐND, UBND tỉnh, phần mềm quản lý đơn thư khiếu nại, tố cáo trên địa bàn tỉnh;

Triển khai hệ thống giám định bảo hiểm y tế trực tuyến qua mạng cho 193/193 điểm cơ sở y tế của tỉnh, các hệ thống thông tin ngành y tế, giáo dục được tăng cường triển khai.

Tổ chức ứng cứu sự cố máy tính của tỉnh; hỗ trợ khắc phục, xử lý sự cố liên quan tới an toàn thông tin cho trên 500 lượt ở các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; theo dõi, phát hiện, phòng chống, ngăn chặn kịp thời 15.143.159 phiên truy cập có nguy cơ mất an toàn đối với các hệ thống thông tin, CSDL dùng chung của tỉnh.

4. Về nguồn nhân lực ứng dụng CNTT

Hiện tại, trên địa bàn tỉnh có 105 cán bộ công chức, viên chức làm nhiệm vụ chuyên trách/phụ trách CNTT trong các cơ quan, địa phương; trong đó, có 96 cán bộ có bằng đại học về CNTT (chiếm 91%), 9 cán bộ có bằng cao đẳng về CNTT (chiếm 9%). 97% cơ quan cấp tỉnh, UBND cấp huyện được bố trí ít nhất 01 cán bộ chuyên trách/phụ trách CNTT.

Tổ chức 09 lớp tập huấn cho 360 cán bộ, công chức, viên chức sử dụng chữ ký số; 02 lớp với 60 học viên về công tác đảm bảo an toàn thông tin cho các cán bộ chuyên trách/phụ trách CNTT của các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh.

Thường xuyên hỗ trợ, hướng dẫn sử dụng các ứng dụng CNTT với trên 540 lượt cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

II. Đánh giá chung

1. Kết quả đạt được

Năm 2016, các văn bản chỉ đạo, điều hành tiếp tục được ban hành kịp thời; công tác phát triển, ứng dụng CNTT có sự tăng tốc đáng kể đạt và vượt mục tiêu kế hoạch đề ra; công tác đảm bảo an toàn thông tin được tăng cường. Hệ thống thông tin dùng chung như phần mềm quản lý văn bản điều hành, hệ thống dịch vụ hành chính công, cổng TTĐT,...được triển khai nhân rộng, đồng bộ trên cả 3 cấp. Các cơ quan, đơn vị, địa phương nỗ lực khắc phục những hạn chế, có chuyển biến trong cải thiện các điều kiện về hạ tầng CNTT, quan tâm bố trí nhân lực CNTT phù hợp với điều kiện hiện có; tích cực khai thác sử dụng thư điện tử công vụ, chữ ký số, hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến,...phục vụ công tác chỉ đạo điều hành, thúc đẩy CCHC.

2. Những khó khăn hạn chế

a) Về hạ tầng CNTT và đảm bảo an toàn thông tin

Hệ thống mạng nội bộ, trang thiết bị đầu cuối của một số đơn vị sở, ban, ngành đã xuống cấp, đa số chưa có hệ thống thiết bị bảo mật hỗ trợ việc quản lý, giám sát, ngăn chặn các nguy cơ mất an toàn thông tin.

Hạ tầng kỹ thuật CNTT cơ quan cấp huyện, cấp xã chưa được đầu tư hoàn thiện, đồng bộ, nhất là hạ tầng mạng cấp xã chưa đáp ứng yêu cầu cho triển khai toàn diện ứng dụng CNTT (còn 3 huyện, 142 xã chưa được đầu tư); nhiều máy tính cấu hình thấp cài hệ điều hành phiên bản cũ không đảm bảo an toàn thông tin.

Trang thiết bị đảm bảo an toàn thông tin trong các CQNN và tại Trung tâm mạng thông tin của tỉnh còn chưa đáp ứng so với yêu cầu phát triển mạnh trong thời gian tới.

b) Về ứng dụng CNTT:

Ứng dụng CNTT chuyên ngành trong các CQNN chưa có sự kết nối, chia sẻ dữ liệu với nhau và với các hệ thống thông tin có liên quan; việc tác nghiệp, điều hành, xử lý công việc hoàn toàn trên mạng còn hạn chế; các tổ chức, doanh nghiệp, người dân tham gia sử dụng dịch vụ hành chính công trực tuyến mức độ 3, 4 còn thấp.

Việc tích hợp chữ ký số trên các hệ thống thông tin của tỉnh chưa được đầy đủ nên còn hạn chế trong việc sử dụng chữ ký số cá nhân.

Việc ứng dụng CNTT trong một số ngành, lĩnh vực đặc thù như nông nghiệp, nông thôn, cảnh báo, ứng phó thiên tai, quản lý điện, nước, hạ tầng đô thị, đất đai, quản lý dân cư, giao thông, y tế, giáo dục,...chưa được đẩy mạnh.

c) Nhân lực ứng dụng CNTT:

Trình độ cán bộ, công chức đa phần mới ở mức tin học văn phòng, chưa đáp ứng chuẩn kỹ năng mới về ứng dụng CNTT. Số lượng cán bộ chuyên trách/phụ trách về CNTT còn thấp, chưa được đào tạo đạt chuẩn kỹ năng chuyên nghiệp về CNTT và thường xuyên có sự thay đổi.

Hiểu biết về sử dụng máy tính và phần mềm ứng dụng của cán bộ và người dân nhất là ở các vùng sâu, vùng xa, biên giới, còn rất hạn chế, cũng ảnh hưởng cho triển khai đồng bộ trên diện rộng các ứng dụng CNTT.

B. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CNTT, AN TOÀN THÔNG TIN GIAI ĐOẠN 2017-2020

I. Mục tiêu:

100% cơ quan nhà nước các cấp có mạng nội bộ (LAN) đạt tiêu chuẩn, kết nối internet băng thông rộng đảm bảo các biện pháp nâng cao an toàn thông tin và được kết nối với trung tâm mạng thông tin của tỉnh.

100% cơ quan nhà nước từ tỉnh, huyện đến xã được triển khai ứng dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành có kết nối liên thông văn bản điện tử; sử dụng hệ thống thư điện tử của tỉnh và chữ ký số trong giao dịch; gửi nhận văn bản điện tử đạt 80% trở lên.

100% cơ quan hành chính nhà nước có thủ tục hành chính từ tỉnh, huyện đến xã đảm bảo điều kiện hạ tầng được triển khai hệ thống một cửa liên thông điện tử và duy trì tốt công TTĐT; cung cấp 100% thủ tục hành chính và dịch vụ hành chính công trên mạng; hầu hết các dịch vụ hành chính công thiết yếu được cung cấp trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 và kết nối với Cổng dịch vụ công Quốc gia.

90% các cuộc họp của tỉnh, các sở, ban, ngành với các huyện, thành phố được tổ chức trực tuyến.

Ứng dụng CNTT hiện đại ngành thuế, hải quan, tài chính, bảo hiểm xã hội; phần đầu 90% trở lên doanh nghiệp thực hiện nộp thuế qua mạng.

100% doanh nghiệp lớn về thương mại, du lịch có trang thông tin điện tử và ứng dụng CNTT trong quản lý, điều hành; 100% doanh nghiệp thương mại lớn trong tỉnh tham gia Sàn/Cổng thương mại điện tử Lào Cai.

100% trường học các cấp từ trung học cơ sở trở lên, trên 85% trường tiểu học được ứng dụng CNTT trong quản lý, có phòng máy tính và đưa môn tin học vào giảng dạy.

100% lãnh đạo các cơ quan, đơn vị các cấp được đào tạo, tập huấn về ứng dụng CNTT và an toàn thông tin.

100% cơ quan Nhà nước cấp tỉnh, huyện có cán bộ chuyên trách/phụ trách về CNTT, được đào tạo nâng cao trình độ nghiệp vụ quản trị hệ thống, đảm bảo an toàn thông tin qua các khóa đào tạo nâng cao, cấp chứng chỉ quốc tế.

Tối thiểu 80% công chức cấp tỉnh, 10% công chức khối chính quyền cấp huyện, xã được đào tạo chuẩn kỹ năng về CNTT.

II. Nhiệm vụ:

I. Phát triển hạ tầng kỹ thuật và đảm bảo an toàn thông tin

Xây dựng kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Lào Cai phù hợp với khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành, hình thành mô hình chính quyền điện tử cấp tỉnh hiện đại, đồng bộ, kết nối liên thông tất cả các cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp huyện, xã, cũng như với trực kết nối quốc gia.

Tiếp tục hoàn thiện kết cấu hạ tầng CNTT cấp tỉnh, huyện, xã. Phần đầu đến năm 2020, 100% cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã đảm bảo các điều kiện về hạ tầng, an toàn thông tin để đáp ứng triển khai chính quyền điện tử cấp tỉnh.

Nâng cấp hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến của tỉnh. Từng bước xây dựng hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến từ cấp huyện đến cấp xã để nâng cao năng lực quản lý, chỉ đạo, điều hành, thúc đẩy CCHC.

Triển khai biện pháp nâng cao an toàn thông tin cho các cơ quan hành chính chính nhà nước. Nâng cao năng lực, an toàn thông tin cho Trung tâm mạng thông tin của tỉnh.

Phủ sóng Wifi miễn phí góp phần nâng cao dân trí; quảng bá du lịch tại thành phố Lào Cai và các huyện Sa Pa, Bắc Hà; từng bước xây dựng các đô thị thông minh.

Đầu tư phòng máy tính cho trường học các cấp, tăng cường năng lực cho đội ngũ giáo viên để đẩy mạnh việc giảng dạy môn tin học trong các trường học.

2. Ứng dụng CNTT trong nội bộ các CQNN, phục vụ người dân, doanh nghiệp

Số hóa dữ liệu, xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu (CSDL) dùng chung, CSDL chuyên ngành trọng điểm phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước, phục vụ người dân, doanh nghiệp (như CSDL: đất đai, xây dựng, y tế, giáo dục, bảo hiểm, thống kê tổng hợp về dân số, thông tin tổng hợp kinh tế-xã hội; CSDL về: tài chính, dự án đầu tư, đăng ký doanh nghiệp, CSDL thông tin truyền thông; CSDL: cán bộ, CCVC; CSDL: lao động, chính sách xã hội, hộ nghèo...).

Tiếp tục triển khai, nâng cấp các hệ thống thông tin dùng chung phục vụ quản lý điều hành của chính quyền, phục vụ người dân, doanh nghiệp: phần mềm quản lý văn bản, điều hành; hệ thống thư điện tử; phần mềm dịch vụ hành chính công; cổng thông tin điện tử,... Ban hành ISO điện tử để quản lý quy trình công việc và hỗ trợ xử lý nghiệp vụ, chuẩn hóa, kiểm soát chất lượng công việc.

Tích hợp chữ ký số trên các phần mềm dùng chung của tỉnh; ứng dụng chữ ký số từ cấp tỉnh, huyện, đến cấp xã trên phạm vi toàn tỉnh.

Xây dựng, vận hành, khai thác các ứng dụng đặc thù trong quản lý, vận hành hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội quan trọng, các hệ thống thông tin chuyên ngành (như: y tế, giáo dục, du lịch, giao thông, điện, nước, thủy lợi, hạ tầng đô thị, môi trường, đất đai, cảnh báo thiên tai,...) và phát triển thương mại điện tử, quảng bá, phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh.

3. Phát triển nguồn nhân lực CNTT:

Tuyển dụng, bố trí cán bộ chuyên trách/phụ trách CNTT, an toàn thông tin trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Triển khai các khóa đào tạo, tập huấn đối với đội ngũ lãnh đạo các cơ quan, đơn vị các cấp về ứng dụng CNTT, quản lý hệ thống thông tin, cho cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước về đào tạo chuẩn kỹ năng CNTT theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Cán bộ chuyên trách/phụ trách về CNTT trong các cơ quan nhà nước được tập huấn, đào tạo nâng cao về CNTT, an toàn thông tin; đào tạo đạt chuẩn kỹ năng CNTT chuyên nghiệp theo Thông tư số 11/2015/TT-BTTTT ngày 5/5/2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông, tổ chức sát hạch thực hiện nhiệm vụ về CNTT, an toàn thông tin.

Đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức, kiến thức về an toàn thông tin, khai thác, ứng dụng CNTT, ứng dụng chữ ký số trong giao dịch điện tử cho cán bộ, công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp.

III. Khái toán kinh phí

1. Tổng kinh phí: 185,083 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn ngân sách Trung ương: 56 tỷ đồng.
- Vốn ngân sách địa phương: 86,923 tỷ đồng.
- Vốn khác và vốn hợp tác công tư: 42,16 tỷ đồng (trong đó: vốn phân theo kế hoạch số 134/KH-UBND triển khai đề án số 11 và kế hoạch số 11/KH-UBND triển khai đề án số 19: 31,36 tỷ đồng; vốn hợp tác công tư: 10,8 tỷ đồng)

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)

2. Phân kỳ đầu tư

Khái toán kinh phí (Giai đoạn 2017-2020)					Nguồn vốn năm 2017				Nguồn vốn giai đoạn 2018-2020			
Tổng	2017	2018	2019	2020	NS TW	NSDP		Vốn KH, ĐA khác; Hợp tác công tư	NS TW	NSDP		Vốn KH, ĐA khác; Hợp tác công tư
						Vốn ĐTPT	Vốn SN			Vốn ĐTPT	Vốn SN	
185,083	38,39	53,89	54,64	38,163	4,4	4,5	20,45	5,64	51,6	11,273	50,7	36,52

(có phụ lục chi tiết kèm theo)

C. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CNTT, AN TOÀN THÔNG TIN NĂM 2017

I. Mục tiêu:

Hoàn thành xây dựng hạ tầng cho 100% UBND các huyện, thành phố; 100% cơ quan nhà nước có kết nối internet băng thông rộng; 100% cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ có máy tính phục vụ công việc.

Triển khai sử dụng hiệu quả hệ thống thư điện tử của tỉnh và phần mềm quản lý văn bản điều hành liên thông 3 cấp trong tỉnh đạt 100% các cơ quan cấp tỉnh, huyện, trên 30% cấp xã. Phát triển hệ thống Cổng Thông tin điện tử của tỉnh.

Tích hợp chữ ký số vào các phần mềm dùng chung trọng điểm của tỉnh, triển khai chữ ký số trên diện rộng đến cả 3 cấp trong tỉnh. 100% cơ quan nhà nước từ tỉnh, huyện, 30% UBND cấp xã sử dụng chữ ký số phục vụ giao dịch, gửi nhận văn bản điện tử theo quy định; tối thiểu 80% trở lên văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước dưới dạng điện tử.

Trên 90% các cuộc họp của tỉnh, các sở, ngành với các huyện, thành phố được tổ chức dưới hình thức họp trực tuyến.

Triển khai hệ thống dịch vụ hành chính công đến 100% cơ quan hành chính nhà nước có thủ tục hành chính từ cấp tỉnh đến huyện, 30% cấp xã trên địa bàn tỉnh. Cung cấp 100% thủ tục hành chính - dịch vụ công trên môi trường mạng và trên 10% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; kết nối với Cổng dịch vụ công Quốc gia.

Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong ngành thuế, hải quan, tài chính nhằm rút ngắn thời gian thực hiện thông quan hàng hóa xuất, nhập khẩu cho doanh nghiệp; nâng cao hiệu quả quản lý thuế và tạo điều kiện thuận lợi, giảm thời gian, chi phí cho tổ chức, doanh nghiệp; phấn đấu 90% trở lên doanh nghiệp thực hiện nộp thuế qua mạng.

Trên 60% doanh nghiệp lớn về thương mại, du lịch có trang thông tin điện tử và ứng dụng CNTT trong quản lý, điều hành.

100% trường trung học phổ thông trở lên, 85% trường trung học cơ sở, 65% trường tiểu học được ứng dụng CNTT trong quản lý và giảng dạy môn tin học.

Nâng cao năng lực, phát triển nguồn nhân lực CNTT, an toàn thông tin trong các CQNN.

II. Nhiệm vụ

1. Phát triển hạ tầng kỹ thuật và đảm bảo an toàn thông tin

Xây dựng hoàn thiện hạ tầng CNTT cho các huyện còn lại: Sa Pa, Bắc Hà, Mường Khương. Lập hồ sơ dự án xây dựng hạ tầng CNTT cấp xã.

Đầu tư bổ sung trang thiết bị CNTT, thiết bị đầu cuối, nâng cao an ninh bảo mật cho Trung tâm mạng thông tin của tỉnh và các CQNN phục vụ triển khai các hệ thống thông tin trên diện rộng.

Nâng cấp, bảo trì hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến của tỉnh, đảm bảo kỹ thuật cho 100% cuộc họp trực tuyến của tỉnh.

Duy trì, bảo dưỡng và tăng cường khai thác, sử dụng hiệu quả hạ tầng thông tin trong các CQNN trên địa bàn tỉnh.

Bổ sung, nâng cấp hệ thống lưu trữ dữ liệu, các thiết bị an ninh, bảo mật cho Trung tâm mạng thông tin của tỉnh. Cùng cố và nâng cao năng lực đảm bảo an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh.

Bổ sung, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, nâng cao an toàn thông tin cho các CQNN trên địa bàn tỉnh.

Triển khai hệ thống giám sát, cảnh báo, đầu tư công cụ rà quét lỗ hổng, mã độc và hướng dẫn biện pháp đảm bảo an toàn thông tin cho Trung tâm mạng thông tin của tỉnh và các cơ quan nhà nước.

Nâng cao năng lực cho Tổ ứng cứu sự cố máy tính của tỉnh và triển khai các hoạt động ứng cứu sự cố an toàn thông tin trong các CQNN trên địa bàn tỉnh; tổ chức và phối hợp với các cơ quan Trung ương trong công tác ứng cứu sự cố cấp quốc gia và cấp tỉnh.

Tổ chức hội nghị, hội thảo tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức và trách nhiệm về an toàn thông tin.

2. Ứng dụng CNTT trong nội bộ các CQNN và phục vụ người dân, doanh nghiệp

Phát triển các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh trên cả 3 cấp tỉnh, huyện, xã: Phần mềm quản lý văn bản và điều hành, hệ thống dịch vụ hành chính công, hệ thống thư điện tử của tỉnh,...

Kết nối, liên thông hệ thống quản lý văn bản và điều hành giữa các cấp trong tỉnh, kết nối, liên thông với hệ thống quản lý văn bản của Văn phòng Chính phủ. Tiếp tục công khai tiến độ giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính trên Cổng TTĐT Chính phủ.

Cung cấp, tăng cường quảng bá rộng rãi đến với người dân, doanh nghiệp và khai thác sử dụng hiệu quả hệ thống dịch vụ hành chính công trực tuyến mức độ 3, 4 của các cơ quan, địa phương (tập trung ở các ngành: Thông tin và Truyền thông, Y tế, Giáo dục, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học Công

nghe, Tài chính, Ban Quản lý khu Kinh tế, Công thương, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, UBND cấp huyện...) và tích hợp lên Cổng dịch vụ công Quốc gia.

Tích hợp chữ ký số vào hệ thống quản lý văn bản và điều hành, hệ thống thư điện tử của tỉnh, hệ thống dịch vụ hành chính công trực tuyến của tỉnh. Tiếp tục triển khai cấp phát, sử dụng chữ ký số của tổ chức, cá nhân cho các cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh.

Ứng dụng CNTT kết hợp với hệ thống quản lý chất lượng ISO (ISO điện tử).

Số hóa tài liệu, xây dựng, phát triển hệ thống thông tin, CSDL chuyên ngành dùng chung trọng điểm, đặc thù trong các cơ quan nhà nước (Số hóa tài liệu lịch sử của Văn phòng UBND, văn phòng HĐND; thông tin&TT: modul phân loại tự động tài liệu tích hợp vào phần mềm QLVB&ĐH hỗ trợ công tác văn thư; số hóa, CSDL chuyên ngành tài nguyên môi trường, nội vụ, văn hóa thể thao-du lịch, xây dựng, tư pháp, lao động, nông nghiệp, khoa học công nghệ, kế hoạch, tài chính, bảo hiểm xã hội, y tế, giáo dục,...).

3. Phát triển nguồn nhân lực

Đào tạo, tập huấn chuẩn kỹ năng ứng dụng CNTT, kỹ năng sử dụng khai thác hệ thống thông tin, an toàn thông tin cho lãnh đạo, cán bộ CCVC trong các CQNN.

Tổ chức đào tạo chuyên sâu về CNTT, an toàn thông tin cho đội ngũ cán bộ chuyên trách/phụ trách CNTT, an toàn thông tin của các CQNN các cấp; tổ chức sát hạch thực hiện nhiệm vụ về CNTT, an toàn thông tin.

Nâng cao khả năng sử dụng máy tính và truy cập Internet, khả năng khai thác, ứng dụng CNTT cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp.

Triển khai các hoạt động tập huấn, tuyên truyền, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia thương mại điện tử, khai thác sử dụng dịch vụ công trực tuyến và tăng cường ứng dụng CNTT trong sản xuất, kinh doanh, quản trị doanh nghiệp.

Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, Hội Tin học Việt Nam tổ chức Hội thảo hợp tác và phát triển CNTT-TT Quốc gia 2017 tại tỉnh.

III. Khái toán kinh phí: 38,39 tỷ đồng

- Vốn ngân sách Trung ương: 4,4 tỷ đồng.
- Vốn ngân sách địa phương: 28,35 tỷ đồng.
- Vốn thuộc kế hoạch, đề án khác: 5,64 tỷ đồng (kế hoạch số 134/KH-UBND triển khai đề án số 11 và kế hoạch số 11/KH-UBND triển khai đề án số 19).

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)

D. GIẢI PHÁP:

1. Giải pháp về cơ chế, chính sách; tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm:

Tập trung rà soát, ban hành các cơ chế, chính sách phù hợp tình hình mới trong thực hiện đề án, dự án, kế hoạch. Tổ chức tuyên truyền sâu rộng và triển khai các cơ chế, chính sách, văn bản QPPL thúc đẩy phát triển và ứng dụng CNTT, đảm bảo an toàn thông tin trên địa bàn tỉnh; gắn trách nhiệm của Thủ trưởng CQNN đối với công tác ứng dụng CNTT gắn với CCHC, đảm bảo an toàn thông tin trong các cơ quan, đơn vị.

Ban hành Quy chế quản lý, khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin sau khi được triển khai.

Sửa đổi quy định quản lý đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh sau khi Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi Nghị định số 102/2012/NĐ-CP về quản lý đầu tư ứng dụng CNTT.

2. Giải pháp tài chính

Bổ trí đầy đủ, kịp thời nguồn lực tài chính để thực hiện đúng tiến độ các dự án CNTT đã được phê duyệt, các nhiệm vụ, dự án trong Kế hoạch đề ra. Ưu tiên, huy động, xã hội hóa và lồng ghép các nguồn kinh phí cho phát triển CNTT, an toàn thông tin trong các Đề án, Chương trình, Kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh.

Huy động nguồn lực và hợp tác với các Tập đoàn, Công ty lớn về CNTT-TT, thương mại điện tử tạo nguồn lực cho phát triển CNTT, chính quyền điện tử và an toàn thông tin trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục chú trọng lựa chọn thí điểm thuê dịch vụ CNTT trong CQNN trên địa bàn tỉnh.

3. Giải pháp triển khai

Triển khai hiệu quả việc ứng dụng CNTT gắn kết, đồng bộ với công tác CCHC trên địa bàn tỉnh.

Triển khai theo hướng dùng chung, phù hợp với Khung giải pháp Chính quyền điện tử của tỉnh, tích hợp với trục kết nối của tỉnh (LGSP) và trục kết nối Quốc gia (NGSP); mô hình thí điểm sau đó nhân rộng để đảm bảo tính hiệu quả, khả thi.

Tăng cường công tác giám sát, đánh giá hiệu quả đầu tư; công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động ứng dụng CNTT, thực hiện các cơ chế chính sách về CNTT, an toàn thông tin trong các CQNN trên địa bàn tỉnh.

Tổ chức đánh giá, xếp hạng, trao giải thưởng ứng dụng CNTT trong các CQNN trên địa bàn tỉnh. Xây dựng và nhân rộng điển hình tiên tiến trong ứng dụng, phát triển CNTT.

4. Giải pháp tổ chức

Nâng cao năng lực, kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước về CNTT, an toàn thông tin của tỉnh.

Nâng cao năng lực, tăng cường cơ sở vật chất, nguồn nhân lực, nâng cao hoạt động của Trung tâm CNTT&TT tỉnh.

E. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Văn phòng UBND tỉnh

Theo dõi, chỉ đạo thực hiện công tác phát triển và ứng dụng CNTT của Văn phòng UBND tỉnh phục vụ chỉ đạo, điều hành của Thường trực UBND tỉnh;

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp tình hình thực hiện các cơ chế, chính sách về CNTT, kết quả phát triển ứng dụng CNTT, an toàn thông tin trong các CQNN báo cáo UBND tỉnh để kịp thời chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố tổ chức thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, dự án của Kế hoạch; theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện kế hoạch này; tham mưu UBND tỉnh bổ sung, điều chỉnh kế hoạch khi cần thiết.

Tham mưu cho UBND tỉnh ban hành kịp thời cơ chế, chính sách, văn bản QPPL tạo hành lang pháp lý phát triển CNTT, an toàn thông tin. Tổ chức thực hiện hiệu quả sau khi được ban hành.

Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho các cấp, các ngành, doanh nghiệp và người dân tăng cường ứng dụng CNTT, đảm bảo an toàn thông tin.

Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tham mưu triển khai thí điểm thuê dịch vụ CNTT phù hợp với quy định của Chính phủ và điều kiện địa phương.

Tiếp tục tham mưu tổ chức đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng CNTT các cơ quan nhà nước của tỉnh.

Phối hợp với Sở Nội vụ thực hiện đồng bộ, gắn kết chương trình, kế hoạch ứng dụng CNTT với chương trình, kế hoạch CCHC.

Chủ trì, phối hợp, hợp tác với các cơ quan, tổ chức trong và ngoài tỉnh triển khai các hoạt động thúc đẩy phát triển và ứng dụng CNTT, an toàn thông tin trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông xem xét, đề xuất lồng ghép, bố trí đảm bảo nguồn vốn đầu tư để triển khai đạt mục tiêu kế hoạch.

4. Sở Tài Chính:

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông ưu tiên bố trí kinh phí sự nghiệp đảm bảo cho các dự án, các hoạt động ứng dụng CNTT đề ra trong Kế hoạch.

5. Sở Nội vụ:

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai đồng bộ chương trình, kế hoạch CCHC trong các CQNN.

Ưu tiên bố trí biên chế CNTT, chỉ tiêu đào tạo chuẩn kỹ năng ứng dụng CNTT cho lãnh đạo, cán bộ CCVC; đào tạo chuyên sâu về CNTT, an toàn thông tin cho cán bộ chuyên trách/phụ trách CNTT trong các CQNN. Thực hiện chính sách đãi ngộ cán bộ, CCVC làm công tác đảm bảo an toàn thông tin.

Phối hợp đánh giá tiêu chí ứng dụng CNTT trong bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các CQNN của tỉnh.

2. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố.

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm cá nhân trước UBND tỉnh về kết quả ứng dụng CNTT, an toàn thông tin của cơ quan, đơn vị mình.

Căn cứ Kế hoạch chung của tỉnh, xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT hằng năm của cơ quan, địa phương, gửi Sở Thông tin và Truyền thông theo dõi, tổng hợp trước 15/12 hằng năm, riêng năm 2017 trước ngày 25/1/2017. Định kỳ 6 tháng, hằng năm hoặc đột xuất báo cáo kết quả triển khai thực hiện kế hoạch và công tác ứng dụng

CNTT, đảm bảo an toàn thông tin trong cơ quan, địa phương mình gửi về Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

Rà soát, lập danh mục thủ tục hành chính, các dịch vụ công được cung cấp trực tuyến ở mức độ 3, mức độ 4, ưu tiên đối với những lĩnh vực bức thiết, liên quan đến tổ chức, người dân và doanh nghiệp; thống nhất quy trình giải quyết các thủ tục hành chính, nhất là các thủ tục liên thông giữa các cấp, các ngành gắn với ISO điện tử và gửi Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp.

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông trong công tác triển khai các chương trình dự án, tiếp nhận và đưa vào sử dụng các hệ thống hạ tầng kỹ thuật CNTT, các phần mềm ứng dụng dùng chung của tỉnh tại cơ quan, địa phương mình đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

Trên đây là Kế hoạch triển khai Đề án 20-ĐA/TU ngày 20/12/2016 về phát triển CNTT giai đoạn 2017-2020 và năm 2017 trong các cơ quan nhà nước tỉnh Lào Cai. Các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ nội dung Kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện. /.

Nơi nhận:

- Bộ TT&TT;
- VP Chính phủ;
- TT. Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, TP;
- Lãnh đạo VP;
- Lưu: VT, VX1, TCHC

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]
Đặng Xuân Phong

	Khái toán kinh phí (Giai đoạn 2017-2020)					Nguồn vốn năm 2017			Nguồn vốn giai đoạn 2018-2020			Thực hiện		Ghi chú		
	Tổng	2017	2018	2019	2020	NS TW	NSDP		Vốn KH, ĐA khác; Hợp tác công tư	NS TW	NSDP		Vốn KH, ĐA khác; Hợp tác công tư		Chủ trì	Phối hợp
							Vốn ĐTPT	Vốn SN			Vốn ĐTPT	Vốn SN				
1	Dự án Đẩy mạnh ứng dụng CNTT gắn với CCHC và xây dựng CQĐT tỉnh Lào Cai GD: 2016-2018:	46.273	6.4	17.5	15.2	7.173	3.4	3		36.6	3.273		Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	*NSTW giao kế hoạch 2016-2020 36 tỷ (90%) theo Văn bản số 916/BKHĐT-TH ngày 05/2/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư	

		Khái toán kinh phí (Giai đoạn 2017-2020)				Nguồn vốn năm 2017			Nguồn vốn giai đoạn 2018-2020			Thực hiện		Ghi chú			
		Tổng	2017	2018	2019	2020	NS TW	NSDP		Vốn KH, ĐA khác; Hợp tác công tư	NS TW	NSDP			Vốn KH, ĐA khác; Hợp tác công tư	Chủ trì	Phối hợp
								Vốn ĐTPT	Vốn SN			Vốn ĐTPT	Vốn SN				
2	Nâng cao ATTT cho Trung tâm mạng của tỉnh; Nâng cao ATTT cho các hợp khối khu đô thị mới, các cơ quan cấp tỉnh; Nâng cao ATTT cho trung tâm mạng cấp huyện; Nâng cao ATTT cho các CQHCNN	15	3	4	4	4			3				12		Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	
3	Xây dựng hạ tầng CNTT cấp xã	14	2	3	4	5			2				12		Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	<i>*Vốn ĐTPT phân theo KH 134 thuộc Đề án số 11-ĐA/TU</i>



		Khái toán kinh phí (Giai đoạn 2017-2020)					Nguồn vốn năm 2017			Nguồn vốn giai đoạn 2018-2020			Thực hiện		Ghi chú			
		Tổng	2017	2018	2019	2020	NS TW	NSDP		Vốn KH, ĐA khác; Hợp tác công tư	NS TW	NSDP		Vốn KH, ĐA khác; Hợp tác công tư		Chủ trì	Phối hợp	
								Vốn ĐTPT	Vốn SN			Vốn ĐTPT	Vốn SN					
4	Nâng cấp hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến của tỉnh, phát triển mở rộng đến UBND xã, cụm xã	24.8	3	5	8.8	8			3				8	3	10.8	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	*Hợp tác Công tư
5	Nâng cao năng lực của Trung tâm CNTT&TT	5	2	2	1				2					3		Trung tâm CNTT&TT		
6	Triển khai hệ thống quản lý văn bản và điều hành	6.65	1.5	1.65	1.7	1.8			1.5					5.15		Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố;	
7	Triển khai hệ thống dịch vụ hành chính công trực tuyến	6.1	1.4	1.5	1.6	1.6			1.4					4.7		Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố;	

		Khái toán kinh phí (Giai đoạn 2017-2020)					Nguồn vốn năm 2017			Nguồn vốn giai đoạn 2018-2020			Thực hiện		Ghi chú		
		Tổng	2017	2018	2019	2020	NS TW	NSDP		Vốn KH, ĐA khác; Hợp tác công tư	NS TW	NSDP		Vốn KH, ĐA khác; Hợp tác công tư		Chủ trì	Phối hợp
								Vốn ĐTPT	Vốn SN			Vốn ĐTPT	Vốn SN				
8	Triển khai hệ thống thư điện tử tỉnh Lào Cai	3.2	0.8	0.8	0.8	0.8						2.4		Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố;		
9	Triển khai chữ ký số	1.6	0.6	0.4	0.3	0.3						1.0		Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố;		
#	Phát triển hệ thống công thông tin điện tử của tỉnh	1.2	0.3	0.3	0.3	0.3						0.9		Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố;	Vốn SN KH 11, ĐA 19	



	Khái toán kinh phí (Giai đoạn 2017-2020)					Nguồn vốn năm 2017			Nguồn vốn giai đoạn 2018-2020			Thực hiện		Ghi chú		
	Tổng	2017	2018	2019	2020	NS TW	NSDP		Vốn KH, ĐA khác; Hợp tác công tư	NS TW	NSDP		Vốn KH, ĐA khác; Hợp tác công tư		Chủ trì	Phối hợp
							Vốn ĐTPT	Vốn SN			Vốn ĐTPT	Vốn SN				
#	Số hóa, xây dựng CSDL dùng chung, HTTT, CSDL chuyên ngành (VP UB tỉnh; TTTT: tích hợp modul số hóa, Tài nguyên môi trường, y tế, giáo dục, kế hoạch, tài chính, xây dựng, lao động; đầu tư ứng dụng CNTT trong công tác giảng dạy ngành Giáo dục ...)	31.15	8.9	8	8.9	5.35	1		7.9		15		7.25	Sở, ban, ngành (triển khai HTTT chuyên ngành)	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố;	Vốn trung ương: triển khai các HTTT chuyên ngành tài nguyên môi trường, y tế, giáo dục, CSDL Quốc gia,..
#	Tổ chức kiểm tra đánh giá công tác ứng dụng CNTT, an toàn thông tin	0.32	0.08	0.08	0.08	0.08			0.08				0.24	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	*Vốn SN phân theo KH 11, Đề án số 19-ĐA/TU

	Khái toán kinh phí (Giai đoạn 2017-2020)					Nguồn vốn năm 2017			Nguồn vốn giai đoạn 2018-2020			Thực hiện		Ghi chú		
	Tổng	2017	2018	2019	2020	NS TW	NSDP		Vốn KH, ĐA khác; Hợp tác công tư	NS TW	NSDP		Vốn KH, ĐA khác; Hợp tác công tư		Chủ trì	Phối hợp
		Vốn ĐTPT	Vốn SN	Vốn ĐTPT	Vốn SN											
#	Tổ chức đánh giá xếp hạng mức độ ứng dụng CNTT	0.24	0.06	0.06	0.06				0.06				0.18	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	*Vốn SN phân theo KH 11, Đề án số 19-ĐA/TU
#	Trang bị công cụ hỗ trợ cho công tác ứng cứu sự cố máy tính; triển khai các hoạt động ứng cứu, điều phối ATTT; diễn tập ATTT; sát hạch ATTT,..	4.5	0.8	0.8	1.5	1.4		0.8				3.7	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố		
#	Duy trì, bảo dưỡng hệ thống thông tin của tỉnh (mạng, phần cứng, phần mềm, CSDL,...)	3.2	0.8	0.8	0.8	0.8		0.8				2.4	Trung tâm CNTT&TT	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố		

		Khái toán kinh phí (Giai đoạn 2017-2020)					Nguồn vốn năm 2017			Nguồn vốn giai đoạn 2018-2020			Thực hiện		Ghi chú		
		Tổng	2017	2018	2019	2020	NS TW	NSDP		Vốn KH, ĐA khác; Hợp tác công tư	NS TW	NSDP		Vốn KH, ĐA khác; Hợp tác công tư		Chủ trì	Phối hợp
								Vốn ĐTPT	Vốn SN			Vốn ĐTPT	Vốn SN				
	Đào tạo, tập huấn, tuyên truyền, hội thảo CNTT, an toàn thông tin																
1	Đào tạo, tập huấn đội ngũ lãnh đạo CNTT	0.4	0.1	0.1	0.1	0.1		0.1				0.3		Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố		
2	Đào tạo cán bộ chuyên trách/phụ trách CNTT, an toàn thông tin	1.2	0.3	0.3	0.3	0.3		0.3				0.9		Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố		

		Khái toán kinh phí (Giai đoạn 2017-2020)				Nguồn vốn năm 2017			Nguồn vốn giai đoạn 2018-2020			Thực hiện		Ghi chú			
		Tổng	2017	2018	2019	2020	NS TW	NSDP		Vốn KH, ĐA khác; Hợp tác công tư	NS TW	NSDP			Vốn KH, ĐA khác; Hợp tác công tư	Chủ trì	Phối hợp
								Vốn ĐTPT	Vốn SN			Vốn ĐTPT	Vốn SN				
3	Tuyên truyền, hội thảo CNTT, an toàn thông tin; hội thảo hợp tác và phát triển CNTT-TT Quốc gia 2017 tại tỉnh; Tuyên truyền về CQĐT, dịch vụ công trực tuyến trên Đài PTTH tỉnh, pa nô, áp phích,...	0.85	0.55	0.1	0.1	0.1			0.55				0.3		Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	
4	Đào tạo, đào tạo lại cán bộ, công chức CNTT	4.4	0.8	1.5	1.1	1			0.8				0.3	3.3	Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	*Vốn SN phân theo KH 11, Đề án số 19-ĐA/TU

